

Số: 103 /TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 23 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei xác nhận;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018: 14.095.564.033 đồng (*Mười bốn tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi ba đồng*), trong đó:

- Tiền chi trả DVMTR đã tạm ứng: 10.968.030.000 đồng (*Mười tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng*);

- Tiền chi trả DVMTR thanh toán đợt này: 3.127.534.033 đồng (*Ba tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi ba đồng*).

(có biểu chi tiết kèm theo)

2. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei:

2.1. Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 29/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.



2.2. Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2.3. Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng (*nếu có*) theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo đề Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV LN Đắk Glei;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Đắk Glei;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018
 (Kèm theo Thông báo số 103/TB-QBVPTR ngày 23/01/2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)



1. Tên bên cung ứng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei.
2. Địa chỉ: Xã Đắk Pék, huyện Đắk Glei.
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]
Tổng cộng		20.107,41	18.074,16		14.095.564.033	10.968.030.000	3.127.534.033
I	Chi trả theo lưu vực thủy điện	20.107,41	18.074,16		13.671.370.457	10.968.030.000	2.703.340.457
1	Nhà máy thủy điện IaLy	13.882,44	12.472,51	435.274	5.428.965.708	4.355.456.459	1.073.509.249
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	13.882,44	12.472,51	145.447	1.814.095.437	1.455.381.027	358.714.410
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	13.882,44	12.472,51	27.792	346.632.968	278.090.686	68.542.282
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	13.882,44	12.472,51	152.385	1.900.623.945	1.524.799.618	375.824.327
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	13.882,44	12.472,51	20.016	249.655.093	200.288.958	49.366.135
6	Nhà máy thủy điện Plei Krông	13.882,44	12.472,51	116.143	1.448.597.504	1.162.155.684	286.441.820
7	Nhà máy thủy điện Đắk Mi 4AB	6.224,97	5.601,64	284.355	1.592.855.923	1.277.888.826	314.967.097
8	Nhà máy thủy điện Đắk Mi 4C	6.224,97	5.601,64	19.036	106.632.443	85.547.227	21.085.216
9	Nhà máy thủy điện Đắk Mi 3	6.224,97	5.601,64	139.836	783.311.436	628.421.515	154.889.921
II	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp (thuộc lưu vực NMTĐ Đắk Mi 4AB, Đắk Mi 4C, Đắk Mi 3)	6.224,97	5.601,64	75.499	422.917.358		422.917.358
III	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp từ số tiền không xác định được đối tượng nhận tiền	6.224,97	5.601,64	228	1.276.218		1.276.218